

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 180/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2013

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số:
	Ngày:
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ số:

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế
của Kho bạc Nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 54/2013/QĐ-TTg ngày 19/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế của Kho bạc Nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của Kho bạc Nhà nước như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của hệ thống Kho bạc Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Kho bạc Nhà nước; Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kho bạc Nhà nước quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Các đơn vị sự nghiệp thuộc Kho bạc Nhà nước.

quản, kiểm định, cất trữ vàng bạc đá quý, ngoại tệ, các chứng chỉ có giá;

b) Chênh lệch thu từ lãi, phí tiền gửi với các khoản phí phải thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương mại;

c) Thu từ nghiệp vụ ứng vốn theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Chênh lệch thu chi từ bán ấn chỉ cho khách hàng, các khoản phí dịch vụ thu hộ tiền điện, tiền nước, điện thoại;

đ) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động dịch vụ của Kho bạc Nhà nước.

5. Quỹ phát triển hoạt động ngành.

6. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên:

a) Chi thanh toán cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn); tiền khen thưởng thành tích theo danh hiệu thi đua và các khoản thanh toán khác cho cá nhân;

b) Chi quản lý hành chính: Chi thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin tuyên truyền, liên lạc; hội nghị; chi công tác phí; chi thuê mướn; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định và các khoản chi hành chính khác;

c) Chi hoạt động nghiệp vụ: Mua sắm vật tư, hàng hóa dùng cho chuyên môn, nghiệp vụ; thiết bị an toàn kho quỹ, thiết bị kiểm đếm; ấn chỉ các loại; trang phục, bảo hộ lao động; các khoản nghiệp vụ kiểm đếm, đảo kho, điều chuyển, bảo vệ an toàn kho, tiền, vàng bạc, đá quý, ngoại tệ và các chứng chỉ có giá; bảo quản, lưu trữ tài liệu, chứng từ; các khoản nghiệp vụ khác;

d) Chi phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

đ) Chi đoàn đi công tác nước ngoài; chi đón, tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; chi tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam;

e) Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ công chức trong hệ thống Kho bạc Nhà nước;

g) Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức đảng theo quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng; chi chế độ đối với cán bộ tự vệ; chi đảm bảo hoạt động của các đoàn thể theo quy định của pháp luật hiện hành;

để xây dựng tiêu chuẩn, mức chi nghiệp vụ phù hợp với hoạt động của hệ thống Kho bạc Nhà nước trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành.

2. Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bình quân toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước áp dụng không vượt quá 1,8 lần so với mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định; tiền lương tăng thêm không bao gồm phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ.

Mức chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức bình quân toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước từ kinh phí tăng thu tiết kiệm chi không vượt quá 0,2 lần so với mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định; khoản bổ sung thu nhập không bao gồm phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ.

Mức chi tiền lương, tiền công đối với cán bộ, công chức, viên chức của Kho bạc Nhà nước được điều chỉnh phù hợp với lộ trình cải cách chính sách tiền lương của nhà nước và chấm dứt khi thực hiện chế độ tiền lương mới.

Việc thực hiện chế độ trích, nộp các khoản đóng góp theo lương thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước quyết định việc phân phối tiền lương, tiền công theo kết quả chất lượng hoàn thành công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo nguyên tắc công bằng hợp lý, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, đồng thời phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 6. Quản lý nguồn kinh phí hoạt động của Kho bạc Nhà nước

1. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí của Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hàng năm, khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho hệ thống Kho bạc Nhà nước được tổng hợp trong kinh phí của Bộ Tài chính trình Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Cơ cấu chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, hiện đại hóa Kho bạc Nhà nước phải đảm bảo chi thường xuyên tối đa không quá 70% dự toán được giao. Kinh phí chi đầu tư phát triển được quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Khi nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, Kho bạc Nhà nước tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới.

Trường hợp do các yếu tố khách quan, như: Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, thành lập thêm tổ chức mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thiên tai và các nguyên nhân khách quan khác; thu từ hoạt động nghiệp vụ giảm do

công và thu nhập thực tế thực hiện trong năm.

4. Chi ăn trưa cho cán bộ, công chức, viên chức hàng tháng tối đa bằng mức lương cơ sở do nhà nước quy định.

5. Chi khen thưởng, phối hợp công tác đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài hệ thống Kho bạc Nhà nước có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ của Kho bạc Nhà nước các cấp.

6. Trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; chi hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; chi hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước.

7. Bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức bình quân toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước tối đa 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các loại phụ cấp trừ phụ cấp công vụ, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ).

8. Số kinh phí còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập Quỹ và bảo đảm các nội dung chi nêu trên, Kho bạc Nhà nước bổ sung toàn bộ vào Quỹ phát triển hoạt động ngành.

Định kỳ 3 tháng, Kho bạc Nhà nước tạm tính số tăng thu, tiết kiệm chi và quyết định phương án phân bổ theo nội dung chi, trích các Quỹ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Kinh phí bảo đảm hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp

Các đơn vị sự nghiệp thuộc Kho bạc Nhà nước được bảo đảm kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của Kho bạc Nhà nước quy định tại Điều 3 của Thông tư này; được áp dụng chế độ chi tiêu theo quy định tại Thông tư này và thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán

Việc lập, chấp hành dự toán, hạch toán kế toán và quyết toán kinh phí của Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành. Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Về lập dự toán hàng năm:

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm lập dự toán thu, chi gửi Bộ Tài chính (đơn vị dự toán cấp I) để xem xét, tổng hợp gửi Bộ Tài chính (cơ quan quản lý nhà nước) để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy

đảm thực hiện đúng mục tiêu, yêu cầu tại Quyết định số 54/2013/QĐ-TTg ngày 19/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Kinh phí hoạt động năm 2013 của Kho bạc Nhà nước (bao gồm cả các quỹ) còn dư chưa sử dụng, được chuyển sang năm 2014 tiếp tục sử dụng theo nội dung quy định tại Thông tư này.

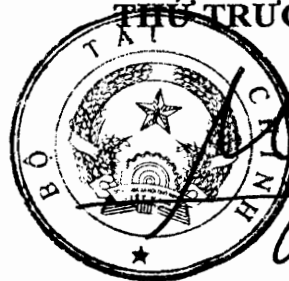
5. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/01/2014. Bãi bỏ Thông tư số 01/2009/TT-BTC ngày 02/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 101/2008/QĐ-TTg ngày 18/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Kho bạc Nhà nước thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2009 - 2013 và Thông tư số 105/2009/TT-BTC ngày 25/5/2009 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2009/TT-BTC ngày 02/01/2009 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 101/2008/QĐ-TTg ngày 18/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Kho bạc Nhà nước thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2009 - 2013.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Thị Minh